TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107 /2024/DSST
Ngày 30.8.2024
V/v:"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN B , THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Quỳnh

Bà Hoàng Phương Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Ngọt - Thư ký Tòa án nhân dân quận B .

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B*** *tham gia phiên tòa:*

Bà Phong Thị Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B , thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 86/2024/ DSST ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2024/QĐST- DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 74/2024 ngày 12 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Ông Trần Mạnh H , sinh năm 1972**

Cư trú: TDP T, phường T, quận B , Thành phố H .

*** Bị đơn**: **Ông Phạm Đức H , sinh năm 1972**

HKTT+ cư trú: Số 118, tổ 4 đường B, TDP T, phường T, quận B , Thành phố H.

(Vắng mặt tại phiên toà)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn trình bày:

Ông và ông Phạm Đức H vừa là hàng xóm vừa là bạn chơi thân từ nhỏ. Ông H nhiều lần đến nhà ông chơi và có nói với ông về việc dự án nghiên cứu lợn – của Viện nghiên cứu chăn nuôi Quốc gia nơi ông H công tác và ông H có hỏi vay tiền của ông số tiền là 67.000.000 đồng từ tháng 01 năm 2015, mục đích lo công việc nên ông không lấy lãi, thời hạn trả là cuối tháng 6 năm 2015. Đến thời hạn trả nợ ông H lấy lý do là bố ông H bị ốm đau bệnh tật nên xin khất chưa trả nợ. Sau đó, dịch bệnh Covid kéo dài nên ông H cũng không có tiền trả. Thời gian gần đây ông có đến nhà ông H đòi thì ông H trốn tránh và không trả nợ cho ông.

Số tiền trên ông cho ông Phạm Đức H vay để làm ăn kinh doanh mục đích cá nhân riêng, không liên quan gì đến vợ anh H . Do đó, ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc một mình ông H phải trả nợ cho ông.

Nay ông khởi kiện đề nghị ông Phạm Đức H phải trả cho ông toàn bộ số tiền nợ gốc là 67.000.000 đồng. Ông không yêu cầu ông H phải trả tiền lãi.

***Bị đơn là Phạm Đức H trình bày:**

Ông và ông Trần Mạnh H là bạn chơi thân với nhau, ông có vay số tiền 67.000.000đồng nhưng số tiền trên ông H dẫn ông đến một chỗ khác để cho ông vay tiền. Và ông có viết giấy vay với ông H thể hiện ông vay 67.000.000đồng từ tháng 1 – 2015, mục đích lo công việc không lấy lãi hẹn đến cưới tháng 6 – năm 2015 trả, nhưng tôi đã trả ông H số tiền trên nhưng không viết giấy đã trả nên Toà án yêu cầu cung cấp tài liệu chứng minh đã trả tiền cho ông H thì tôi không cung cấp được.

Nay ông H có đơn khởi kiện buộc toi phải trả số tiền nêu trên tôi không trả vì tôi đã trả số tiền trên rồi.

Ông đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Toà án, Tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp, ông không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì khác.

Hiện nay, ông thường xuyên phải đi công tác xa nên không biết có đến Toà theo giấy triệu tập hay không.

Ngoài ra ông H khai bổ sung gì thêm.

Tại phiên toà nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện: Buộc chị ông Phạm Đức H phải trả cho ông H số tiền nợ gốc là 67.000.000đồng. Ông H không yêu cầu tính lãi phát sinh kể từ ngày ông H vi phạm đến thời điểm Toà án xét xử.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên toà không có lý do nên không có lời khai tại phiên toà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tại phiên toà phát biểu quan điểm:

1. *Việc tuân theo pháp luật tố tụng*:

- Về thụ lý vụ án: Việc thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 195, 196, Điều BLTTDS.

- Thẩm quyền xét xử: Tòa án nhân dân quận B theo đúng quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

- Về thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và lập hồ sơ vụ án:

Vụ án thuộc trường hợp VKS tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án thực hiện đúng quy định tại 208, 209, 210, 211 Bộ luật TTDS.

+ Về thời hạn chuẩn bị xét xử: đúng thời hạn quy định tại Điều 203 BLTTDS

+ Về việc lập hồ sơ vụ án dân sự: đúng quy định tại Điều 204 BLTTDS.

- Về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, về chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

2. Đề xuất quan điểm giải quyết vụ án:

Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông H phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 67.000.000đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi phát sinh nên không xem xét.

Ông H phải chịu án phí theo quy định, trả lại cho ông H tiền tạm ứng đã nộp tại Chi cục THA dân sự quận B .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: ông Trần Mạnh H có đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Phạm Đức H , có HKTT+ cư trú tại: Số 118 tổ 4 đường bờ Tây sông Nhuệ, TDP Tân Phong, phường Thuỵ Phương, quận B , Thành phố H . Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B . Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông H nhưng ông H không đến Toà án làm việc, khi Toà án lấy lời khai, ông H đã từ chối ký vào biên bản lấy lời khai của Toà án, ông H vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Việc ông H vắng mặt là tự ý từ bỏ quyền lợi chính đáng của mình, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt ông H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét giấy xác nhận vay tiền tháng 1/2015:

Ông Phạm Đức H đã ký xác nhận có vay của bạn H số tiền 67.000.000đồng, mục đích: lo công việc, không lấy lãi, hẹn cuối tháng 6 trả (tháng 6/2015)

Tại lời khai của ông H thể hiện ông đã trả số tiền 67.000.000đồng cho ông H nhưng không có tài liệu nào thể hiện việc ông H đã trả tiền. Sau khi có lời khai, ông H không ký xác nhận vào biên bản lấy lời khai của Toà án. Toà án đã cung cấp các tài liệu do nguyên đơn cung cấp bao gồm giấy xác nhận vay tiền tháng 1/ 2015, thông báo yêu cầu trả nợ khoản vay ngày 22/4/2024 kèm theo cuống gửi bưu điện của ông H cho ông H . Ông H không có ý kiến gì về tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và cũng không cung cấp được tài liệu thể hiện việc ông H đã trả nợ. Nên thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bị đơn được xác định từ ngày 01/7/2015. Hai bên đều có lời khai xác nhận việc ông H vay tiền là vay riêng cho cá nhân ông H không

liên quan đến vợ ông H . Do đó, ông H khởi kiện đề nghị Toà án buộc ông H phải trả số tiền nợ gốc 67.000.000đồng là có căn cứ và hợp pháp nên HĐXX chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi, do nguyên đơn không có yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3].Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận B .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Mạnh H đối với ông Phạm Đức H. Buộc ông Phạm Đức H phải trả cho ông Trần Mạnh H số tiền nợ gốc 67.000.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền phải thanh toán kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ này, theo mức lãi suất 10%/ năm (theo Khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2.Về án phí: Ông Phạm Đức H phải chịu 3.350.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Trần Mạnh H số tiền 1.675.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, mà ông H đã nộp theo biên lai thu số 0021644 ngày 08/6/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận B – Thành phố H .

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên

tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- *VKSND quận B ;*
-Chi cục THADS quận B ;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Tuyết